

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BUÔN MA THUẬT
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 183/2023/HS-ST

Ngày 30 - 6 - 2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BUÔN MA THUẬT, TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Tùng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Cẩm, ông Huỳnh Văn Bộ.

- Thư ký phiên tòa: Ông Y Kăn Niê - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Lệ Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 30/6/2023, tại Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 153/2023/TLST-HS ngày 22/5/2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 162/2023/QĐST-HS ngày 08/6/2023 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Thị L**, sinh ngày 15/4/1967 tại tỉnh Hà Tĩnh; nơi cư trú: Thôn Q, xã G, huyện L, tỉnh Lâm Đồng; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ học vấn: 10/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Bá L và bà Lê Thị C (đều đã chết); bị cáo có chồng là Phạm Văn L, sinh năm 1963; bị cáo có 02 con, con lớn sinh năm 1987, con nhỏ sinh năm 1990; tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 30/7/2015, Công an huyện L, tỉnh Lâm Đồng xử phạt hành chính đối với bị cáo về hành vi “*Tổ chức đám cưới cho người khác mà người đó chưa đủ tuổi đăng ký kết hôn*”.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 03/01/2023 cho đến nay (có mặt).

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Bà Đặng Thị Minh T, sinh năm 1964 (có mặt).

Địa chỉ: Thôn A, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

- Anh Nguyễn Công T, sinh năm 1989 (vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn A, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

- Ông Phạm Văn L, sinh năm 1963 và anh Phạm Văn D, sinh năm 1987 (đều vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn Q, xã G, huyện L, tỉnh Lâm Đồng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Thị L có quen biết 01 người đàn ông tên Tuấn (chưa rõ lai lịch) và chị Đỗ Thị Kim H (sinh năm 1980, trú tại 282/43/16 đường B, Phường 2, quận T, thành phố Hồ Chí Minh, trước đây làm nhân viên vệ sinh, tạp vụ của Phòng Kỹ thuật sân đỗ của Công ty cổ phần P, thuộc Cảng hàng không quốc tế T) nên L biết được lịch tuyển dụng của các công ty thuộc Cảng hàng không quốc tế T. Năm 2018, L quen biết với bà Đặng Thị Minh T, do biết thông tin tuyển dụng và cách nộp hồ sơ thi tuyển nên L đã giúp bà T xin cho anh Nguyễn Công T (sinh năm 1993, là con trai của bà T) vào làm việc tại bộ phận Cân bằng trọng tải của hãng hàng không J (hiện tại là Việt Nam Airlines), thuộc Cảng hàng không quốc tế T, với số tiền 422.000.000 đồng, gồm chi phí đi lại, chi phí đào tạo chuyên môn và chi phí để cảm ơn những người biết thông tin tuyển dụng để có thể xin được việc. Sau đó, bà T tiếp tục nhờ L xin cho con gái là chị Nguyễn Thị T vào làm việc tại bộ phận pha chế và kiểm tra vệ sinh máy bay tại Cảng hàng không quốc tế T, với chi phí xin việc là 100.000.000 đồng, nhưng sau đó chị T không muốn xin việc nữa nên L đã trả lại tiền cho bà T. Đến năm 2019, L tiếp tục trao đổi về việc xin việc giúp cho con trai thứ hai của bà T là anh Nguyễn Công T, vào làm việc tại bộ phận lái xe của Cảng hàng không quốc tế T, với số tiền 300.000.000 đồng thì bà T đồng ý. Thời điểm này, bà T không có đủ tiền nên thỏa thuận bán xe ô tô nhãn hiệu Vios G, màu kem, biển kiểm soát 47A-255.xx, do anh Nguyễn Công T đứng tên, của gia đình bà T cho L với giá 550.000.000 đồng. Ngày 26/7/2019, ông Phạm Văn L và anh Phạm Văn D, là chồng và con trai của L đến nhà bà T tại Thôn A, xã H, thành phố B để làm thủ tục mua bán xe và giao nhận tiền xin việc.

Tại đây, anh D viết 01 giấy mua bán xe ô tô với anh Nguyễn Công T; ông L viết 01 giấy với nội dung “ông L nhận số tiền 300.000.000 đồng để lo việc cho anh T vào làm lái xe tại sân bay T”. Sau đó, ông L đưa cho bà T số tiền 100.000.000 đồng và lấy xe về, còn nợ lại số tiền 150.000.000 đồng, hẹn sẽ đưa cho bà T khi nhận được giấy chứng nhận đăng ký xe, do giấy chứng nhận đăng ký xe của bà T đang thế chấp tại ngân hàng. Sau đó, khi bà T lấy giấy chứng nhận đăng ký xe giao cho L thì L cũng đã trả số tiền còn lại cho bà T. Đồng thời, L liên hệ với ông T và bà Đỗ Thị Kim H để hỏi thủ tục xin việc, lịch tuyển dụng và đã gửi các thông tin có liên quan cho bà T và anh T biết để làm hồ sơ. Sau khi anh T làm hồ sơ xin việc xong thì gửi cho L xem, kiểm tra lại. Sau đó, L được biết vị trí tuyển dụng cần phải có Giấy phép lái xe hạng C nhưng anh T chỉ có Giấy phép lái xe hạng B nên L yêu cầu anh T vào thành phố Hồ Chí Minh sinh sống, chờ học thi lấy giấy phép lái xe và xin việc. Tuy nhiên, khi anh T chưa làm hồ sơ để thi lấy Giấy phép lái xe hạng C mà thời hạn nộp hồ sơ gần đến, L sợ quá thời hạn nộp hồ sơ cho bộ phận tuyển dụng của Cảng hàng không quốc tế T nên nảy sinh ý định làm giả cho anh T 01 Giấy phép lái xe hạng C để anh T sử dụng nộp hồ sơ xin việc nhưng không nói cho anh T biết.

Thông qua mạng xã hội Facebook, L đặt Dương Quốc T (sinh năm 1992, trú tại 16/11 Ấp T, xã T, huyện H, thành phố Hồ Chí Minh) làm giả cho anh T 01 Giấy

phép lái xe hạng C mang tên Nguyễn Công T với chi phí 3.000.000 đồng. L lấy các thông tin của anh T từ hồ sơ xin việc và cung cấp các thông tin để T làm giả giấy phép lái xe. Ngày 06/5/2019, L sử dụng tài khoản số 5404205277xxx mở tại Ngân hàng N của L chuyển số tiền 1.500.000 đồng đến số tài khoản 20190506178xxx, mở tại Ngân hàng TMCP Q, nội dung “chuyen khoan bang”. Đến ngày 10/05/2019, khi T làm xong, L đưa số điện thoại của anh T cho T để T tự liên hệ giao giấy phép lái xe giả cho anh T, đồng thời, L sử dụng tài khoản số 5404205277xxx nêu trên chuyển khoản qua số tài khoản 060213081xxx mở tại Ngân hàng TMCP S của T số tiền 1.500.000 đồng, nội dung “chuyen khoanbang”. Sau đó, tại thành phố Hồ Chí Minh, anh T nhận được 01 Giấy phép lái xe ô tô hạng C, số 660073815631, mang tên Nguyễn Công T, ghi Sở giao thông vận tải tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 16/8/2017, thông qua 01 nam thanh niên lái xe mô tô Grap (không rõ nhân thân, lai lịch). Rồi theo hướng dẫn của L, anh T đem hồ sơ cùng giấy phép lái xe trên đến Cảng hàng không quốc tế T để xin việc. Tại đây, anh T vào nộp hồ sơ cho bộ phận tiếp nhận hồ sơ nhưng không nộp Giấy phép lái xe hạng C giả. Sau khi nộp hồ sơ, anh T được hướng dẫn vào gặp nhân viên sát hạch lái xe (không rõ nhân thân, lai lịch), anh T đưa Giấy phép lái xe hạng C cho nhân viên sát hạch lái xe xem thì nhân viên này nói “*Anh thấy bằng lái xe này không ổn, em đem về xem lại đi*”, nên anh T lấy giấy phép lái xe đi về và báo lại cho L và bà T biết. Do biết giấy phép lái xe là giả nên T sợ nếu sử dụng để xin việc thì khi bị phát hiện sẽ bị đuổi việc, do đó, anh T nói L không xin việc nữa. Sau đó, bà T đòi L trả lại số tiền 300.000.000 đồng nhưng L chưa có tiền để trả lại. L nhiều lần hứa hẹn và trao đổi nếu anh T tiếp tục muốn vào làm việc tại Cảng hàng không quốc tế T thì L vẫn hỗ trợ thủ tục để anh T được tuyển dụng như đã thỏa thuận nhưng bà T không đồng ý.

Sau đó, bà T gửi đơn tố giác đến Cơ quan điều tra tố giác L có hành vi lừa đảo chiếm đoạt của bà T số tiền 300.000.000 đồng thông qua việc nhận tiền xin việc cho anh T và hành vi làm bằng giả, kèm theo Giấy phép lái xe ô tô hạng C, số 660073815631, mang tên Nguyễn Công T, ghi Sở giao thông vận tải tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 16/8/2017.

Cơ quan điều tra đã tạm giữ Giấy phép lái xe hạng C, số 660073815631, ghi Sở Giao thông vận tải tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 16/8/2017 cho anh Nguyễn Công T, sinh năm 1989 và 01 sim điện thoại di động mạng Viettel 4G, số sim 8984 0480 0092 2332 963, đăng ký số thuê bao 0358035299 (sim mà Nguyễn Thị L sử dụng để liên lạc với người làm giả giấy phép lái xe). Đối với chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone Xsmax, không rõ dung lượng mà Nguyễn Thị L sử dụng liên lạc với Dương Quốc T để làm giả giấy phép lái xe, bị cáo khai nhận đã bán chiếc điện thoại di động trên nhưng không nhớ bán cho ai, khi nào, bao nhiêu tiền nên Cơ quan điều tra không thu giữ được.

Tại bản Kết luận giám định số 991/KLGD-PC09 ngày 14/10/2022, Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk kết luận: 01 Giấy phép lái xe hạng C, số 660073815631, ghi Sở Giao thông vận tải tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 16/8/2017 cho Nguyễn Công T, sinh năm 1989, nơi cư trú: Xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, là giả.

Tại bản Cáo trạng số 170/CT-VKS ngày 22/5/2023, Viện kiểm sát nhân dân

thành phố Buôn Ma Thuột truy tố bị cáo Nguyễn Thị L về tội “*Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức*”, theo khoản 1 Điều 341 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận hành vi phạm tội như lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra và nội dung bản cáo trạng. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đặng Thị Minh T trình bày: Bị cáo Nguyễn Thị L đã nhận của bà T số tiền 300.000.000 đồng nhưng không xin được việc cho anh Nguyễn Công T; trong quá trình điều tra, bị cáo đã trả được số tiền 240.000.000 đồng; bà T yêu cầu bị cáo phải trả lại toàn bộ số tiền đã nhận và tiền lãi, tổng cộng khoảng 500.000.000 đồng.

Quá trình tranh luận, đại diện Viện kiểm sát đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội và giữ nguyên quyết định truy tố. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị L phạm tội “*Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức*”.

Áp dụng khoản 1 Điều 341; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 36 Bộ luật hình sự, đề nghị xử phạt Nguyễn Thị L từ 24 tháng đến 30 tháng cải tạo không giam giữ.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, đề nghị tịch thu, tiêu hủy đối với Giấy phép lái xe hạng C giả và 01 sim điện thoại mà bị cáo Nguyễn Thị L sử dụng để liên lạc với người làm giả giấy phép lái xe.

Bị cáo không tranh luận, chỉ đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và phù hợp với các chứng cứ, tài liệu thu thập được có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Như vậy, có đủ cơ sở để kết luận: Tháng 5/2019, thông qua mạng xã hội Facebook, Nguyễn Thị L cung cấp thông tin cá nhân của anh Nguyễn Công T cho Dương Quốc T và thuê T làm giả 01 Giấy phép lái xe hạng C, số 660073815631, mang tên Nguyễn Công T, mục đích để bổ sung giấy phép lái xe giả vào hồ sơ xin việc cho anh Nguyễn Công T.

Hành vi nêu trên của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trật tự quản lý hành chính Nhà nước, ảnh hưởng tới uy tín cũng như sự hoạt động bình thường của cơ quan, tổ chức. Hội đồng xét xử xác định hành vi của bị cáo đã cấu thành tội “*Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức*” theo khoản 1 Điều 341 Bộ luật hình sự.

Vì vậy, Cáo trạng số 170/CT-VKS ngày 22/5/2023 của Viện kiểm sát nhân

dân thành phố Buôn Ma Thuột và quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

Khoản 1 Điều 341 Bộ luật hình sự quy định:

“1. Người nào làm giả con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ khác của cơ quan, tổ chức hoặc sử dụng con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ giả thực hiện hành vi trái pháp luật, thì bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 02 năm”.

[3] Về tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; trong quá trình giải quyết vụ án, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[4] Xét tính chất, mức độ và hậu quả của hành vi phạm tội, căn cứ vào tình tiết của vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy: Bị cáo phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng và có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; bị cáo có nơi cư trú ổn định nên không cần thiết cách ly khỏi xã hội mà áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ theo Điều 36 Bộ luật hình sự, cho bị cáo cải tạo dưới sự giám sát của gia đình và chính quyền địa phương cũng đủ tác dụng răn đe, giáo dục bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội.

Do nghề nghiệp và thu nhập của bị cáo không ổn định nên Hội đồng xét xử miễn khấu trừ thu nhập đối với bị cáo.

[5] Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Đối với giấy phép lái xe giả (bút lục 40a) và 01 sim điện thoại (bút lục 806) mà bị cáo sử dụng để liên lạc với người làm giả giấy phép lái xe, cần tịch thu, tiếp tục lưu theo hồ sơ vụ án.

Đối với chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone Xsmax, không rõ dung lượng, mà bị cáo sử dụng để liên lạc với Dương Quốc T để làm giả giấy phép lái xe, Cơ quan điều tra không thu giữ được nên không có căn cứ xử lý.

[6] Về trách nhiệm dân sự:

Trong quá trình giải quyết vụ án xác định được vào năm 2019 bị cáo Nguyễn Thị L nhận 300.000.000 đồng từ bà Đặng Thị Minh T, các bên thỏa thuận số tiền nêu trên là chi phí xin việc cho anh Nguyễn Công T. Do không xin được việc cho anh T nên bị cáo đã trả cho bà T tổng số tiền 240.000.000 đồng. Đối với nội dung nêu trên, đã được Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đắk Lắk xác minh và xác định là tranh chấp dân sự, nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý là có căn cứ.

Tại phiên tòa, bà Đặng Thị Minh T yêu cầu bị cáo Nguyễn Thị L phải trả số tiền khoảng 500.000.000 đồng (chi phí xin việc còn lại và tiền lãi), Hội đồng xét xử nhận thấy yêu cầu bồi hoàn nêu trên của bà T chưa cụ thể, rõ ràng (về thỏa thuận nhận tiền, mức lãi suất và thời gian tính lãi), chưa có điều kiện chứng minh và không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án hình sự nên tách ra để giải quyết theo

thủ tục tố tụng dân sự khi có yêu cầu của đương sự, là phù hợp với quy định tại Điều 30 Bộ luật tố tụng hình sự.

[7] Về các đối tượng và hành vi khác liên quan:

Đối với anh Nguyễn Công T là người được Nguyễn Thị L làm giả cho Giấy phép lái xe hạng C để sử dụng với mục đích xin việc. Tuy nhiên, tại thời điểm Nguyễn Thị L đặt làm giả giấy phép lái xe thì anh T không biết và không thỏa thuận trước. Sau khi nhận giấy phép lái xe giả, anh T không sử dụng để thực hiện hành vi trái pháp luật, do đó Cơ quan điều tra không đề cập xử lý anh T về hành vi sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức là có căn cứ.

Đối với Dương Quốc T (sinh năm 1992, trú tại 16/11 Ấp T, xã T, huyện H, thành phố Hồ Chí Minh), là người mà Nguyễn Thị L khai nhận đã đặt làm giả Giấy phép lái xe ô tô hạng C với số tiền 3.000.000 đồng. Quá trình điều tra xác định ngày 12/8/2019 Dương Quốc T đã chết, do đó Cơ quan điều tra không đề cập xử lý đối với Dương Quốc T là có căn cứ.

[8] Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Nguyễn Thị L phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị L phạm tội: “*Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức*”.

Áp dụng khoản 1 Điều 341; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 36 Bộ luật hình sự:

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Thị L**: 02 (hai) năm cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ đối với bị cáo Nguyễn Thị L tính từ ngày Cơ quan Thi hành án hình sự Công an huyện L, tỉnh Lâm Đồng nhận được quyết định thi hành án.

Giao bị cáo Nguyễn Thị L cho Ủy ban nhân dân xã G, huyện L, tỉnh Lâm Đồng giám sát, giáo dục trong thời gian thi hành án. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Miễn khấu trừ thu nhập hàng tháng đối với bị cáo Nguyễn Thị L.

[2] Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu, tiếp tục lưu theo hồ sơ vụ án đối với: Giấy phép lái xe hạng C giả, số 660073815631, ghi Sở Giao thông vận tải tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 16/8/2017 cho anh Nguyễn Công T, sinh năm 1989; 01 sim điện thoại di động mạng Viettel 4G, số sim 8984 0480 0092 2332 963, đăng ký số thuê bao 0358035xxx.

[3] Về vấn đề dân sự: Áp dụng Điều 30 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tách yêu cầu của bà Đặng Thị Minh T về việc yêu cầu bị cáo Nguyễn Thị L phải trả số tiền 500.000.000 đồng (chi phí xin việc và lãi suất) ra khỏi vụ án hình sự để giải quyết theo thủ tục tố tụng dân sự khi đương sự có đơn yêu cầu.

[4] Về án phí: Bị cáo Nguyễn Thị L phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

[5] Quyền kháng cáo: Bị cáo; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND Tp BMT;
- Công an Tp BMT;
- Chi cục THADS Tp B;
- Công an huyện L;
- UBND xã G, huyện L, tỉnh Lâm Đồng;
- Bị cáo;
- Người liên quan;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Thanh Tùng